

Số: /TCBC-SGDĐT

Đồng Nai, ngày 19 tháng 12 năm 2025

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành
trong lĩnh vực Giáo dục và đào tạo

Căn cứ Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”;

Thực hiện Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 16/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” trên địa bàn trong năm 2025;

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai ban hành Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực Giáo dục và đào tạo, cụ thể như sau:

I. Văn bản 1

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật

Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, Hội khỏe phù đồng, Hội thao giáo dục quốc phòng và an ninh trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Hiệu lực thi hành

a) Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết:

- Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước sửa đổi, bổ sung một số điều quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Nghị quyết này bãi bỏ khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 28/NQHĐND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về áp dụng, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành

3.1. Sự cần thiết

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Căn cứ Khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

- Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14.

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

- Căn cứ khoản 13 Điều 8, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

b) Cơ sở thực tiễn

- Thực hiện Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông; Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (cũ) và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ) đã ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

+ Tỉnh Đồng Nai (cũ): Ban hành Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 quy định về nội dung, mức chi cho các kỳ thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Tỉnh Bình Phước (cũ): Ban hành Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Ngày 03/10/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 28/NQ-HĐND về áp dụng, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trong đó, có áp dụng Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước để áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (mới) và bãi bỏ Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Như vậy, việc thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 03 tháng 10 năm 2025 áp dụng, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã được triển khai tốt và đảm bảo theo đúng quy định.

- Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, từ ngày 01/7/2025 sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Đồng Nai. Sau khi thực hiện sắp xếp hợp nhất 02 tỉnh và để theo đúng lộ trình thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 thì việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội giảng, Hội khỏe Phù Đồng và Hội thao quốc phòng và an ninh trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

3.2. Mục đích ban hành

a) Cụ thể hóa nội dung và mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, Hội khỏe Phù Đồng và Hội thao quốc phòng và an ninh trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo khoản 13 Điều 8, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được đồng bộ sau sắp xếp, hợp nhất theo chủ trương của Trung ương.

b) Đảm bảo tính pháp lý theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông thống nhất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp theo chủ trương chung, đảm bảo lộ trình theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Phù hợp với khả năng nguồn lực và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

4. Nội dung chủ yếu

a) Bố cục

Nghị quyết gồm 05 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Nội dung, mức chi.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

Điều 5. Điều khoản thi hành

b) Nội dung cơ bản

Nghị quyết quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, Hội khỏe phù đồng, Hội thao giáo dục quốc phòng và an ninh (gọi chung là các kỳ thi, cuộc thi) trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

- Nội dung, mức chi công tác tổ chức các kỳ thi, gồm: Thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; thi tuyển sinh vào lớp đầu cấp phổ thông; thi tuyển sinh vào trường trung học phổ thông chuyên; thi chọn học

sinh giỏi cấp tỉnh; thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực (*Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này*).

- Nội dung, mức chi công tác tổ chức kỳ thi, hội thi, gồm: Thi thử/khảo sát/kiểm tra chất lượng đối với học sinh lớp 12; thi chọn học sinh giỏi cấp xã, liên cấp xã; Hội thi giáo viên dạy giỏi, chủ nhiệm lớp giỏi các cấp; Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi; công tác ra đề thi học kỳ tập trung ở các lớp cuối cấp (*Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này*).

- Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức Hội khỏe phù đồng cấp tỉnh, cấp xã, liên cấp xã, cấp trường; tham dự Hội khỏe phù đồng cấp khu vực, cấp toàn quốc (*Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này*).

- Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức cuộc thi, gồm: Cuộc thi khoa học kỹ thuật học sinh phổ thông; Cuộc thi thí nghiệm - thực hành dành cho học sinh phổ thông cấp tỉnh, cấp xã, liên cấp xã, cấp trường; tham dự cấp khu vực, cấp toàn quốc (*Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết này*).

- Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức Hội thao giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh phổ thông cấp tỉnh, cấp trường có bậc học trung học phổ thông; tham dự cấp khu vực, cấp toàn quốc (*Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết này*).

- Nội dung, mức chi cho công tác bồi dưỡng, tập huấn đội tuyển dự thi học sinh giỏi các cấp (*Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị quyết này*).

- Các mức chi tại Điều này là mức tối đa được áp dụng cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi. Trường hợp một người kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một kỳ thi, cuộc thi, hội thi thì được hưởng mức chi cao nhất.

- Các nội dung, mức chi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

II. Văn bản 2

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật

Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 Quy định phân loại vùng, mức học phí, mức hỗ trợ học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên từ năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Hiệu lực thi hành

a) Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 12 năm 2025.

b) Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết:

- Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục

mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên từ năm học 2024 - 2025; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2023 - 2024.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành

3.1. Sự cần thiết

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định quy chế cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP.

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

b) Cơ sở thực tiễn

- Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước đã ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tự thực ở các địa bàn không đủ trường tiểu học công lập và học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng hưởng chính sách miễn, giảm học phí, cụ thể:

+ Tỉnh Đồng Nai (cũ): Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục

phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên từ năm học 2024 - 2025; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Tỉnh Bình Phước (cũ): Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2024 quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước áp dụng từ năm học 2023 - 2024.

Thực hiện các Nghị quyết nêu trên, hàng năm có khoảng 1.017.000 trẻ em mầm non, học sinh giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tại các cơ sở giáo dục công lập và dân lập, tư thục; có 1.168 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh; ngoài ra còn có 244 trường dân lập, tư thục từ cấp mầm non đến trung học phổ thông và 1.204 cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

Như vậy, việc Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (cũ) và Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước áp dụng từ năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (cũ) đã được triển khai tốt và đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

- Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; theo đó, từ ngày 01/7/2025 sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Đồng Nai. Sau khi sắp xếp, tỉnh Đồng Nai có diện tích tự nhiên là 12.737,18 km², quy mô dân số là 4.491.408 người. Sau khi thực hiện sắp xếp hợp nhất 02 tỉnh, đồng thời Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/9/2025 và thay thế các Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ thì việc đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định phân loại vùng, mức học phí, mức hỗ trợ học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên từ năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

3.2. Mục đích ban hành

a) Cụ thể hóa mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên (gồm cả cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập theo quy định) mức hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục và phân loại vùng

trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đồng bộ trên địa bàn tỉnh sau sắp xếp, hợp nhất theo chủ trương của Trung ương.

b) Đảm bảo tính pháp lý theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐCP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ để làm cơ sở thực hiện cấp bù miễn, giảm học phí cho các cơ sở giáo dục công lập; hỗ trợ tiền đóng học phí cho trẻ em mầm non, học sinh giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thống nhất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp theo chủ trương chung.

c) Phù hợp với khả năng nguồn lực và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

4. Nội dung chủ yếu

a) Bố cục

Nghị quyết gồm 05 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Quy định phân loại vùng, mức học phí, mức hỗ trợ học phí.

Điều 3. Kinh phí thực hiện.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

Điều 5. Điều khoản thi hành

b) Nội dung cơ bản

Nghị quyết quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và quy định phân loại vùng, mức học phí, mức hỗ trợ học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập, mức hỗ trợ học phí cho người học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, cụ thể:

- Phân loại vùng để áp dụng mức học phí, mức hỗ trợ học phí trên địa bàn tỉnh Đồng Nai: gồm 03 vùng (*Phụ lục đính kèm*).

- Mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên:

+ Đối với hình thức học trực tiếp:

Đơn vị tính: đồng/người học/tháng

Vùng	Mức học phí			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở (giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên)	Trung học phổ thông (giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên)
Vùng 1	120.000	75.000	75.000	120.000

Vùng 2	90.000	65.000	65.000	110.000
Vùng 3	60.000	60.000	60.000	100.000

+ Đối với hình thức học trực tuyến: Bằng 70% mức học phí học trực tiếp.

- Mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập tự đảm bảo chi thường xuyên bằng 02 lần mức học phí tại khoản 2 Điều này.

- Mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và đầu tư bằng 2,5 lần mức học phí tại khoản 2 Điều này.

- Mức hỗ trợ học phí cho người học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thực:

+ Đối với hình thức học trực tiếp:

Đơn vị tính: đồng/người học/tháng

Vùng	Mức học phí			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở (giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên)	Trung học phổ thông (giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên)
Vùng 1	120.000	120.000	120.000	120.000
Vùng 2	90.000	90.000	90.000	110.000
Vùng 3	75.000	75.000	75.000	100.000

- Đối với hình thức học trực tuyến: Bằng 70% mức hỗ trợ học phí học trực tiếp.

- Trong trường hợp mức học phí tại các trường dân lập, tư thực thấp hơn mức hỗ trợ học phí tại Nghị quyết này thì mức hỗ trợ bằng mức học phí tại các trường dân lập, tư thực.

- Mức học phí, mức hỗ trợ học phí tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này được xác định theo địa điểm nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở; là căn cứ để ngân sách nhà nước cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ học phí đối với người học tại cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục dân lập, tư thực trên địa bàn tỉnh.

- Từ năm học 2026 - 2027 đến năm học 2035 - 2036, hằng năm mức học phí và mức hỗ trợ học phí được điều chỉnh tăng 5%/năm. Mức học phí và mức hỗ trợ học phí được làm tròn số đến đơn vị 1.000 đồng (đơn vị hàng trăm từ 5 trở lên thì làm tròn lên, đơn vị hàng trăm nhỏ hơn 5 thì làm tròn xuống).

- Thời gian tính mức học phí, mức hỗ trợ học phí theo số tháng thực học nhưng tối đa không quá 9 tháng/năm học.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực Giáo dục và đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo đến các cơ quan báo, đài, các cơ quan, đơn vị liên quan và toàn thể Nhân dân được biết./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các trường THPT, các cơ sở GDNN và các đơn vị trực thuộc;
- Các phòng thuộc Sở GDĐT;
- Trang Thông tin điện tử Sở GDĐT (đăng tải);
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Hồng Thắng